

TÒA ÁN N DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án số: 54/2025/HS-ST
Ngày 16-6-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hoa
Ông Nguyễn Chung
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Công Bình
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên*
tòa: Bà Phan Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án N dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HS ngày 11/4/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn N**, sinh năm 2003 tại N, Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: làm Tê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Phan Thanh T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thanh TH, sinh năm 1984.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 10/01/2025 tại Phân trại tạm giam khu vực N – Công an tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Ông Dương Hữu Đ, sinh ngày 09/8/2007

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Dương Hữu M, sinh năm 1982 và bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông Đ, ông M, bà L vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đến vụ án:***

1. Ông Dương Hữu M, sinh năm 1982

Địa chỉ trụ sở: Thôn X, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường G, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Phạm Huy H, sinh năm 2006

Địa chỉ: Thôn S, xã A, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 23/8/2024, Dương Hữu Đ chở Phạm Huy H bằng xe mô tô biển số 79H2 – 051.79 đến quán trà sữa Oanh ở thôn S, xã A, thị xã N thì gặp Dương Văn N. Do quen biết nên cả 3 người cùng ngồi chung bàn. Khoảng 19 giờ 30 phút, N hỏi mượn xe để đi công việc thì Đ đồng ý, N đi một lúc thì quay lại trả xe cho Đ.

Đến 21 giờ 30 phút, Đ trả tiền rồi Đ, H, N đi về thì N nói không có xe, đợi người đến chở nên cả 3 tiếp tục ra vỉa hè ngồi chơi và chờ, trong lúc này N ngồi lên xe của Đ và hỏi mượn chạy thử và Đ đồng ý. Sau khi lấy được xe, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên điều khiển xe mô tô biển số 79H2 – 051.79 đến nhà bà Nguyễn Thị T ở tổ dân phố M, phường G, thị xã N để thế chấp với số tiền 5.000.000 đồng tiêu xài cá N.

Tại Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N kết luận: Xe mô tô biển số 79H2 – 051.79 có giá trị 49.289.600 đồng tại thời điểm định giá.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS-HS ngày 14/3/2025 của Viện kiểm sát N dân thị xã N đã truy tố bị cáo Dương Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã N đề nghị:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

+ Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 79H2 – 051.79, đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

+ Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt nhưng lời khai có trong hồ sơ không yêu cầu bồi thường nên không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường 4.500.000 đồng, bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

- Bị cáo: Không tranh luận.

- Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình đã sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị hại Dương Hữu Đ, đại diện hợp pháp của bị hại ông Dương Hữu M và bà Lê Thị Kim L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Dương Hữu M, bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt, người làm chứng ông Phạm Huy H vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3]. *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 22/8/2024 tại thôn s, xã a, thị xã N, Dương Văn N đã có hành vi mượn xe mô tô biển số 79H2 – 051.79 do Dương Hữu Đ quản lý, sử dụng, có giá trị 49.289.600 đồng sau đó đem thế chấp lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Dương Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ.

[4]. *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo vẫn thực hiện. Trong quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho việc điều tra và Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã. Do đó cần xem xét, cân nhắc mức hình phạt áp dụng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và Tộc

trường hợp ít nghiêm trọng; được bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7]. *Về áp dụng hình phạt:* Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, nên áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8]. *Về vật chứng vụ án:* Xe mô tô biển số 79H2 – 051.79 đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 2432/QĐ-ĐTTH ngày 27/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N.

[9]. *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, bị hại Dương Hữu Đ, đại diện hợp pháp của bị hại ông Dương Hữu M và bà Lê Thị Kim L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Dương Hữu M vắng mặt nhưng lời khai trong hồ sơ vụ án đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[10]. *Về án phí:* Bị cáo Dương Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo **Dương Văn N 02** (Hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt truy nã, tạm giam ngày 10/01/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Dương Văn N phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Dương Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tx.N;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS tx.N;
- Công an tỉnh Khánh Hòa
(Phòng HSNV, CQ THAHS);
- Bị cáo và những người TGT;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương